TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2020/DS-PT
Ngày: 02-6-2020
"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Tuấn**.

Các Thẩm phán:

1. Ông **Trần Quốc Vũ;**

2. Bà **Nguyễn Thị Thúy Phượng.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lưu Bích Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Tâm**, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 360/2020/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2019/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã HTh, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 18/2020/QĐ-PT ngày 14 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị Ch**, sinh năm: 1968; cư trú tại: Số 12, tổ 21, ấp KT, xã CK, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Minh Tr**, sinh năm: 1968; cư trú tại: Số C16/19, ấp LH, xã TT, thị xã HTh, tỉnh Tây Ninh. Nơi ở: Xóm 5, khu phố LT, phường LTT, thị xã HTh, tỉnh Tây Ninh. Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại Giam Phú Hòa, thuộc Cục Cảnh sát Quản lý trại giam, Cơ sở giáo dục bắt buộc, Trường giáo dưỡng, Bộ Công an (địa chỉ tại tỉnh Bình Dương); ông Tr có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Hà Thị Ngọc N**, sinh năm: 1970; cư trú tại: Số C16/19, ấp LH, xã TT, thị xã HTh, tỉnh Tây Ninh. Nơi ở hiện nay: Xóm 5, khu phố LT, phường LTT, thị xã HTh, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Anh **Nguyễn MP**, sinh năm 1992; cư trú tại: Số C16/19, ấp LH, xã TT, thị xã HTh, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hà Thị Ngọc N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Ngô Thị Ch trình bày:

Ngày 08-9-2017, bà cho ông Nguyễn Minh Tr vay số tiền gốc 300.000.000 đồng; thời hạn vay là 06 tháng; mục đích vay để kinh doanh; thỏa thuận lãi suất vay là 02%/ tháng. Khi vay tiền ông Tr cùng bà đến Văn phòng Công chứng lập Hợp đồng vay tiền và được công chứng. Việc ông Tr vay tiền của bà là do cả hai vợ chồng ông Tr và bà N (vợ ông Tr) cùng vay số tiền này, nhưng do bà N đang bệnh nên chỉ có một mình ông Tr đứng tên người vay tiền.

Khi vay tiền ông Tr có giao cho bà Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN: H-5422 do Ủy ban nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 28-12-2006 do ông Trà Tấn T và bà Lê TL cùng đứng tên, giao cho bà cất giữ và ông Tr làm "Bản cam kết nhận tiền ngày 08-9-2017" với nội dung hai bên thỏa thuận: ông Tr giao giấy đất này cho bà cất giữ, nếu ông Tr vi phạm hợp đồng vay tiền thì phần đất này ông Tr sẽ ký chuyển nhượng, sang tên lại cho bà.

Từ ngày vay tiền đến nay, ông Tr trả cho bà 01 tháng tiền lãi là 6.000.000 đồng (trả ngày vay tiền: 08-9-2017) và ngưng cho đến nay. Bà nhiều lần đến nhà gặp vợ chồng ông Tr, bà N để đòi nhiều lần nhưng ông Tr, bà N vẫn không trả nợ.

Nay bà yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Minh Tr và bà Hà Thị Ngọc N cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền vay gốc là 300.000.000 đồng (ba trăm Tr đồng) và yêu cầu tính tiền lãi vay từ ngày 08-9-2017 đến nay theo quy định của pháp luật và trừ lại số tiền lãi bà đã nhận là 6.000.000 đồng.

Bị đơn – ông Nguyễn Minh Tr trình bày: Ngày 08-9-2017 ông có vay của bà Ch số tiền 300.000.000 đồng; thời hạn vay là 06 tháng; mục đích vay tiền để làm rẫy; thỏa thuận lãi suất vay là 10%/tháng. Khi vay tiền ông cùng bà Ch đến Văn phòng Công chứng lập Hợp đồng vay tiền và được công chứng.

Khi nhận số tiền vay này, ông có giao cho bà Ch Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN: H-5422 do Ủy ban nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 28-12-2006 do ông Trà Tấn T và bà Lê TL cùng đứng tên, giao cho bà Ch cất giữ và ông làm "Bản cam kết nhận tiền ngày 08-9-2017" với nội dung hai bên thỏa thuận: ông giao giấy đất này cho bà Ch cất giữ, nếu ông vi phạm hợp đồng vay tiền thì phần đất này ông sẽ ký chuyển nhượng, sang tên lại cho bà Ch. Nhưng thực tế bà Ch chỉ giao cho ông số tiền vay là 250.000.000 đồng và bà Ch viết giấy giao số tiền này vào ngày 09-9-2017 để giao cho ông cất giữ; còn lại

50.000.000 đồng là tiền lãi do bà Ch đã cấn trừ trước. Do đó, thực tế ông chỉ vay của bà Ch số tiền 250.000.000 đồng.

Giữa ông với bà N không có đăng ký kết hôn; bà N không biết việc ông vay tiền của bà Ch; ông là người nhận và sử dụng số tiền vay này nên ông không yêu cầu bà cùng ông có nghĩa vụ trả nợ cho bà Ch.

Nay ông thừa nhận nợ và đồng ý có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho bà Ch số tiền nợ thực tế mà ông đã vay theo đúng như nội dung "Bản cam kết nhận tiền ngày 08-9-2017"; cụ thể là ông sang tên cho bà Ch phần đất mà bà Ch đang giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN: H-5422 do Ủy ban nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 28-12-2006 do ông Trà Tấn T và bà Lê TL cùng đứng tên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Hà Thị Ngọc N trình bày:

Bà là vợ của ông Tr nhưng không có đăng ký kết hôn. Bà không biết việc ông Tr vay tiền của bà Ch. Bà và ông Tr sống ly thân trên 05 năm nhưng vẫn chưa ly hôn; thỉnh thoảng ông Tr về thăm con nhưng hằng ngày ông Tr không gửi tiền hay phụ giúp việc nuôi con; ông Tr không chăm lo cho gia đình; giữa bà với ông Tr không còn phụ thuộc về điều kiện kinh tế của nhau.

Nay bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ch; vì bà không biết và không liên quan đến số tiền nợ vay của ông Tr nên cá nhân ông Tr có nghĩa vụ thanh toán (trả) nợ vay cho bà Ch.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2019/DS-ST ngày 21-5-2019 của Tòa án nhân dân thị xã HTh, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Ch về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với ông Nguyễn Minh Tr, bà Hà Thị Ngọc N.

Buộc ông Nguyễn Minh Tr và bà Hà Thị Ngọc N cùng có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị Ch số tiền vay gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi là 39.975.000 đồng, tổng cộng là 339.975.000 đồng.

Buộc bà Ngô Thị Ch trả lại cho ông Nguyễn Minh Tr Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: H-5422 của Ủy ban nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 28-12-2006 do ông Trà Tấn T và bà Lê TL cùng đứng tên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ do chậm thi hành án, án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo.

Ngày 03 tháng 6 năm 2019, bà Hà Thị Ngọc N có đơn kháng cáo với nội dung: Không đồng ý với bản án sơ thẩm về việc buộc bà và ông Nguyễn Minh Tr cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ gốc và lãi cho bà Ngô Thị Ch; vì bà không biết và không liên quan đến số tiền vay nợ của bà Ch.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn MP là người đại diện theo ủy quyền của bà Hà Thị Ngọc N trình bày: Bà N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Hà Thị Ngọc N; sửa bản án sơ thẩm, buộc cá nhân ông Nguyễn Minh Tr có nghĩa vụ thanh toán (trả) nợ cho bà Ngô Thị Ch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Hà Thị Ngọc N và lời trình bày tại phiên tòa của anh Nguyễn MP là người đại diện theo ủy quyền của bà N trình bày: Không đồng ý với bản án sơ thẩm về việc buộc bà và ông Nguyễn Minh Tr cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ gốc và lãi cho bà Ngô Thị Ch; vì bà không biết và không liên quan đến số tiền vay nợ của bà Ch; bà và ông Tr đã sống ly thân trên 05 năm, ông Tr không chăm lo cho bà và con ông Tr; bà không biết việc ông Tr vay tiền của bà Ch để sử dụng vào mục đích gì và bà không được hưởng lợi gì từ số tiền vay này. Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 08-9-2017, ông Nguyễn Minh Tr có vay của bà Ngô Thị Ch số tiền gốc 300.000.000 đồng; khi vay tiền cá nhân ông Tr có lập Hợp đồng vay tiền, có công chứng và ông Tr là người trực tiếp nhận số tiền vay này; nhưng bà Ch cho rằng ông Tr vay tiền của bà là do cả hai vợ chồng ông Tr và bà Hà Thị Ngọc N (vợ ông Tr) cùng vay số tiền này, nhưng bà Ch không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc bà N biết và sử dụng số tiền vay này; do đó không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bà Ch.

Ngoài ra, giữa ông Tr và bà N sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn; bà Ch không chứng minh được việc ông Tr vay tiền của bà Ch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình bà N, ông Tr; đây là số tiền vay có giá trị lớn nên cần phải có ý kiến hoặc ý chí, nguyện vọng của bà N trong việc vay và nghĩa vụ thanh toán nợ; bà N không biết và tham gia ký kết hợp đồng vay này. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ch về việc yêu cầu buộc bà Hà Thị Ngọc N có trách nhiệm liên đới cùng ông Nguyễn Minh Tr trả nợ vay này cho bà Ngô Thị Ch.

[2] Từ những phân tích nêu trên, nên cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Hà Thị Ngọc N; chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm; sửa bản án sơ thẩm, buộc cá nhân ông Nguyễn Minh Tr có nghĩa vụ thanh toán (trả) số tiền nợ vay và tiền lãi vay cho bà Ngô Thị Ch.

[3] Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm nên điều chỉnh phần án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp với phần quyết định của bản án này theo quy định của pháp luật.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên bà Hà Thị Ngọc N không phải chịu tiền án phí phúc thẩm dân sự.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Hà Thị Ngọc N.

2. Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số: 11/2019/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã HTh, tỉnh Tây Ninh.

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Ch, về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với ông Nguyễn Minh Tr.

4. Buộc ông Nguyễn Minh Tr có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho bà Ngô Thị Ch số tiền vay nợ gốc là 300.000.000 đồng và 39.975.000 đồng tiền lãi vay; tổng cộng là 339.975.000 (Ba trăm ba mươi Ch Tr, Ch trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

5. Buộc bà Ngô Thị Ch có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Minh Tr Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: H-5422 của Ủy ban nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 28-12-2006 do ông Trà Tấn T và bà Lê TL cùng đứng tên.

6. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền trên mà người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

7.1. Bà Ngô Thị Ch không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Ch số tiền 7.500.000 (Bảy Tr, năm trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà Ch đã nộp theo Biên lai thu số 0019467 ngày 08-3-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HTh, tỉnh Tây Ninh.

7.2. Ông Nguyễn Minh Tr phải chịu 16.998.000 (mười sáu Tr, Ch trăm Ch mươi tám nghìn) đồng.

8. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hà Thị Ngọc N không phải chịu tiền án

phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà N số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo Biên lai thu số 0013532 ngày 06-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HTh, tỉnh Tây Ninh.

9. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hánh án dân sự.

10. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

11. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND thị xã HTh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS thị xã HTh;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Tuấn